

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**(Theo hệ thống tín chỉ)**

<b>Tên chương trình:</b>	Địa lý học (Quản lý tài nguyên Môi trường, Địa lý học và môi trường biển, Hướng dẫn du lịch)
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Ngành đào tạo:</b>	Địa lý học
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính qui

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày / /20  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Địa lý học định hướng lựa chọn một trong các nghề nghiệp: Quản lý Tài nguyên môi trường, Địa lý học và môi trường biển, Hướng dẫn du lịch nhằm đào tạo những cử nhân có kiến thức cơ bản về Địa lý học; nắm vững tri thức Địa lý hiện đại và kiến thức chuyên ngành phù hợp nghề nghiệp nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp hiện đại hoá, công nghiệp hóa đất nước.

Chương trình trang bị cho sinh viên tri thức về quy luật thành tạo, phát triển và tác động lẫn nhau của các địa quyển, sự phân bố và diễn biến của các dạng tài nguyên, môi trường. Sinh viên được truyền đạt và thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thành lập bản đồ các hiện tượng và quá trình tự nhiên, các dạng hoạt động sản xuất, có khả năng sử dụng các công cụ Viễn thám và Hệ thống tin Địa lý, mô hình hoá và sử dụng các phần mềm chuyên dụng nghiên cứu sự phân hoá lãnh thổ và diễn biến theo thời gian của các đối tượng địa lý ở các quy mô khác nhau theo nghề lựa chọn.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về phẩm chất đạo đức**

Đào tạo người cán bộ thấm nhuần thế giới quan Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực trong công việc.

**1.2.2. Về kiến thức**

- Nhận thức đúng bản chất đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của khoa học Địa lý và những tri thức địa lý cơ bản có quan hệ tới các hiện tượng, các quá trình tự nhiên.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về địa lý kinh tế - xã hội đại cương, địa lý kinh tế - xã hội của các vùng, các quốc gia trên thế giới và cả ở Việt Nam

- Hiểu đúng đắn mối quan hệ giữa tự nhiên và kinh tế, giữa con người với môi trường và sự phát triển bền vững; ghi nhớ và vận dụng được các kiến thức chuyên ngành vào nghề nghiệp

### 1.2.3. Về kĩ năng

- Có khả năng nghiên cứu tìm hiểu môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực, địa phương phục vụ học tập địa lý và thành thạo một trong các nhóm kĩ năng liên quan đến nghề Quản lí tài nguyên, môi trường, Địa lý và môi trường biển, kĩ năng hướng dẫn du lịch.

- Có khả năng giải thích được các hiện tượng địa lý tự nhiên, các quá trình kinh tế - xã hội đề cập đến trong chương trình THCS, THPT.

1.2.4. Khả năng công tác: Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Địa lý có năng lực nghiên cứu khoa học theo các chuyên ngành: Địa Nhân văn và Kinh tế Sinh thái, Du lịch sinh thái, Bản đồ - Viễn thám, có thể giảng dạy Địa lý và các ngành khoa học liên quan ở bậc Đại học, Cao đẳng và Phổ thông trung học (Khi được bồi dưỡng về kiến thức sư phạm). Ngoài nghiên cứu và giảng dạy Địa lý, các cử nhân Địa lý có thể đảm nhận công việc trong các lĩnh vực tổ chức và quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên, môi trường và giảm thiểu tai biến thiên nhiên, xây dựng, quản lý và đánh giá các dự án phát triển đô thị, nông nghiệp, nông thôn hoặc làm nghề hướng dẫn du lịch.

**2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132** tín chỉ (tc) chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất (75tiết) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

**3. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế 43).

**6. Thang điểm đánh giá:** theo quy chế 43

**7. Nội dung chương trình**

**7.1. Kiến thức GD đại cương:**

**51 tc**

- *Bắt buộc*

36 tc

- *Tự chọn*

14 tc

7.1.1. Lý luận chính trị:

10 tc

7.1.2. Toán, Tin học, KHXH, nhân văn, KHTN – CN&MT: 34 tc.

7.1.3. Tiếng Anh:

7 tc.

7.1.4. Giáo dục Thể chất:

75 tiết

7.1.5. Giáo dục quốc phòng:

165 tiết

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

**81 tc.**

- *Bắt buộc*

69 tc

- *Tự chọn*

13 tc

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

10 tc

7.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

20 tc

7.2.3. Kiến thức ngành:	25 tc
7.2.4. Kiến thức chuyên ngành	16 tc
<b>7.3. Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>5 tc</b>
<b>7.4. Khoá luận/Học phần thay thế KLTN</b>	<b>6 tc</b>
<b>8. Kế hoạch giảng dạy</b>	

STT	Mã học phần	Tên HP	Số tc	Loại giờ tc					Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học				
<b>A</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>51</b>								
<b>I</b>	<b>Lí luận chính trị</b>		<b>10</b>								
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	2	21	18		90	0	1	Nguyên lý	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	3	32	26		135	1	2	Nguyên lý	
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	1	2	Tư tưởng-PL	
4		Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	32	26		135	2	3	Đường lối	
<b>II</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>7</b>								
5		Tiếng Anh 1	4	36	48		180		3	Ngoại ngữ	
6		Tiếng Anh 2	3	27	36		135	5	4	Ngoại ngữ	
<b>III</b>	<b>GD thể chất</b>		<b>75t</b>							GDTC	
<b>IV</b>	<b>GD quốc phòng</b>		<b>165t</b>							TT GDQP	
<b>V</b>	<b>Toán, Tin, KHXH, CN, MT</b>		<b>34</b>								
7		Tin học	2	10	0	40	90		1	CNTT&TT	
8	125126	Phương pháp NCKH	3	27	36		135		5	BM Địa-KHXH	
9		Sinh thái học	2	18	24		90		4	BM Sinh-KHTN	
10		Pháp luật đại cương	2	18	24		90	1	1	Tư tưởng-PL	
11		Môi trường và con người	2	18	24		90	1	1	BM Địa-KHXH	
12		Toán cao cấp	4	36	48		180		2	Toán ứng dụng	
13		Xác suất-thống kê (B)	3	27	36		135	14	3	Toán ứng dụng	
14		Công nghệ Viễn Thám	2	18	24		90		3	BM Địa-KHXH	
	<i>Chọn 4 trong 6 học phần:</i>										
Từ HP		Kiến thức địa phương Thanh Hoá	2	18	24		90		1	BM Sử, KHXH	
15		Hóa học đại cương	2	18	24		90		1	BM Hóa, KHTN	

đến HP 18		Đại cương lịch sử Việt Nam	2	18	24		90		1	BMSử, KHXH
		Kinh tế phát triển	2	18	24		90		1	BM Địa-KHXH
		Lịch sử tư tưởng phương đông và Việt Nam	2	18	24		90		1	K. Lí luận chính trị
		Kĩ thuật soạn thảo văn bản	2	18	24		90		1	NN&PPDHNV
<i>Chọn 3 trong 5 học phần:</i>										
Từ HP 19 đến HP 21		Thiên văn học	2	18	24		90		2	BM Vật lí, K.TN
		Mĩ học đại cương	2	18	24		90		2	K. Lí luận chính trị
		Nhập môn khoa học giao tiếp	2	18	24		90		2	NN&PPDHNV
		Kinh tế, xã hội Việt Nam và toàn cầu hóa, khu vực hóa	2	18	24		90		2	BM Địa-KHXH
		Tai biến môi trường	2	18	24		90	11	2	BM Địa-KHXH
<b>B</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>82</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>		<b>10</b>							
22		Lịch sử văn minh thế giới	2	18	24		90		5	BM Sử -KHXH
23		Cơ sở văn hoá Việt nam	2	18	24		90		5	BM VHVN
24		Logic học đại cương	2	18	24		90	1	5	K. Lí luận chính trị
25		Tâm lý học đại cương.	2	18	24		90	0	4	BM Tâm lí-GD
26		Xã hội học đại cương.	2	18	24		90	25	4	NN&PPDHNV
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>20</b>							
27		Địa chất đại cương	3	27	36		135		2	BM Địa-KHXH
28		ĐL tự nhiên đại cương (Trái Đất và Thạch quyển)	2	18	24		90	27	3	BM Địa-KHXH
29		Khí quyển - Thủy quyển	2	18	24		90	27	4	BM Địa-KHXH
30		Địa lí nhân văn	2	18	24		90	28	5	BM Địa-KHXH
31		Bản đồ học đại cương	3	27	36		135	27	4	BM Địa-KHXH
32		Trắc địa đại cương	2	18	24		90	27	3	K. Nông-Lâm- Ngư
<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>										
33		Thổ nhưỡng, sinh quyển...	3	27	36		135	29	5	BM Địa-KHXH
		Lớp vỏ cảnh quan và những quy luật địa lí chung của Trái Đất	3	27	36		135	29	5	BM Địa-KHXH
<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>										
34		Hệ thống thông tin địa lí	3	10		80	135	7	5	BM Địa-KHXH
		Địa lí đô thị	3	27	36		135	30	5	BM Địa-KHXH
<b>III</b>	<b>Kiến thức ngành:</b>		<b>24</b>							

35		Dân số học và địa lí dân cư	2	18	24		90	30	6	BM Địa-KHXH
36		Địa lí Việt Nam (phần tự nhiên)	4	36	48		180	33	6	BM Địa-KHXH
37		Địa lí kinh tế đại cương	2	18	24		90	35	5	BM Địa-KHXH
38		Địa lí kinh tế vùng Việt Nam	2	18	24		90	36	8	BM Địa-KHXH
39		Địa lí tự nhiên thế giới	3	27	36		135	30	7	BM Địa-KHXH
40		Địa lí kinh tế- xã hội thế giới và khu vực	3	27	36		135	38	8	BM Địa-KHXH
41		Cơ sở sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường	2	18	24		90	33	6	BM Địa-KHXH
42		Thực địa địa lí tự nhiên	2	3	0	54		32	4	BM Địa-KHXH
<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>										
43		Xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ và phân tích số liệu thống kê địa lí	3	10	0	40	90	40	7	BM Địa-KHXH
		Địa lí dân cư, kinh tế Việt Nam	3	27	36		135	37	7	BM Địa-KHXH
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b> (Chọn 1 trong 3 ngành sau)									
<b>IV<sub>1</sub></b>	<b>Ngành Quản lí tài nguyên môi trường</b>		<b>16</b>							
<i>Các môn học bắt buộc</i>										
44a		Quản trị học	2	18	24		90		6	K. Kinh tế- QTKD
45a		Quản lí tài nguyên đất-rừng-khoáng sản	3	27	36		135	44	7	BM Địa-KHXH
46a		Quản lí tài nguyên nước-môi trường biển	3	27	36		135	45	7	BM Địa-KHXH
47a		Kinh tế môi trường	2	18	24		90	44	7	BM Địa-KHXH
48a	125 170	Thực tế môi trường một số đô thị, khu công nghiệp và làng nghề	2	3	0	54	90	40	6	BM Địa-KHXH
<i>Chọn 2 trong 4 học phần:</i>										
Từ HP 49a đến HP 50a	125 035	Du lịch sinh thái	2	18	24		90	36	7	BM Địa-KHXH
		Nghiên cứu địa lí địa phương	2	18	24		90	37	7	BM Địa-KHXH
		Địa lí du lịch Việt Nam	2	18	24		90	43	7	BM Địa-KHXH
		Giáo dục môi trường qua môn Địa lí	2	18	24		90	48	7	BM Địa-KHXH
<b>IV<sub>2</sub></b>	<b>Ngành Địa lí và môi trường biển</b>		<b>16</b>							
<i>Các môn học bắt buộc</i>			6							
44b		Địa mạo bờ biển	3	27	36		135	45	7	Khoa Địa-DHQG
45b		Phương pháp nghiên cứu địa lý và môi trường biển	3	27	36		135	45	7	Khoa Địa-DHQG

46b		Sinh thái biển và đại dương	2	18	24		90	48	7	BM Sinh-KHTN
	<i>Chọn 4 trong 7 học phần sau:</i>		8/14							
Từ HP 47b đến HP 50b		Kinh tế biển Việt Nam	2	18	24		90	37	7	BM Địa-KHXH
		Hệ sinh thái vùng cửa sông ven biển	2	18	24		90	43	7	BM Sinh-KHTN
		Cơ sở hải dương học	2	18	24		90	48	7	Khoa Địa-ĐHQG
		GIS và viễn thám trong nghiên cứu địa lý biển	2	18	24		90	37	7	Khoa Địa-ĐHQG
		Quản lý thống nhất đới bờ	2	18	24		90	43	7	Khoa Địa-ĐHQG
		Địa chất biển	2	18	24		90	48	7	Khoa Địa-ĐHQG
IV <sub>3</sub>	<b>Ngành Hướng dẫn du lịch.</b>		<b>16</b>	2	18	24		90	7	
	<i>Các môn học bắt buộc</i>		8	2	18	24		90	7	
44c		Tổng quan du lịch	3	27	36		135	45	7	BM Địa-KHXH
45c		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	27	36		135	45	7	BM Địa-KHXH
46c		Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch	2	18	24		90	48	7	BM Việt Nam học
	<i>Chọn 4 trong 6 học phần sau:</i>		8							
Từ HP 47c đến HP 50c		Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2	18	24		90	43	7	BM Địa-KHXH
		Tâm lý khách du lịch	2	18	24		90	48	7	BM Việt Nam học
		Giao tiếp ứng xử trong du lịch và Phẩm chất đạo đức nghề hướng dẫn du lịch	2	18	24		90	48	7	BM Việt Nam học
		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và Thực hành hướng dẫn du lịch	2	18	24		90	48	7	BM Việt Nam học
		Du lịch sinh thái	2	18	24		90	37	7	BM Địa-KHXH
		Địa lí du lịch Việt Nam	2	18	24		90	43	7	BM Địa-KHXH
V	<b>Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp</b>		<b>11</b>							
51		Thực tập tốt nghiệp (theo chuyên ngành đăng kí)	5	0	150		0	50	8	BM Địa-KHXH
52		Khoá luận	6	0	180		0	51	8	BM Địa-KHXH
	<i>Học phần thay thế KLTN</i>									
		Những vấn đề cơ bản của địa lí học	3	27	36		135		8	BM Địa-KHXH
		Quản lý môi trường địa phương	3	27	36		135		8	BM Địa-KHXH

		<b>Tổng</b>	<b>132</b>	<b>1078</b>	<b>1654</b>	<b>280</b>	<b>5535</b>			
--	--	-------------	------------	-------------	-------------	------------	-------------	--	--	--

## **9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

### **9.1, 9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin/ The basic principles of Marxism** **5 tc (53-44-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

*Nội dung:* Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh/HoChiMinh's Ideology** **2 tc (21-18-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

*Nội dung:* Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **9.4. Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam/The revolutionary line of Vietnamese Communist** **3 tc (32-26-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

*Nội dung:* Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **9.5-9.6. Tiếng Anh 1, 2/English 1, 2** **7 tc (63-84-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Bao gồm những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường, yêu cầu tương đương trình độ trung cấp (Intermediate Level) đối với những sinh viên đã tốt nghiệp chương trình ngoại ngữ 12 năm của giáo dục phổ thông.

### **Giáo dục thể chất/Physical Education** **75 tiết**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 3244/QĐ-BGDĐT, ngày 29 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Giáo dục Quốc phòng/National Defence Education** **165 tiết**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT.

### **9.7. Tin học/Informatics** **2tc (10-0-40)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học này gồm các module: Windows, kỹ thuật bàn phím, Internet, MS Word, Microsoft Excel, và MS Power Point. Qua môn học này sinh viên sẽ hoàn thiện các chức năng của mỗi module để biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ



trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các môn học khác của sinh viên sau này và kể cả khi đi làm: tìm kiếm thông tin cần trên internet, trình bày các loại hình văn bản, làm những trình bày (presentation) trên máy tính, đánh máy nhanh và chính xác. Môn học không nhằm giới thiệu từ đầu lí thuyết về tin học mà chú ý những kĩ năng khai thác các ứng dụng cơ bản vào những hoạt động học tập cụ thể thông qua các bài tập.

**9.8. Phương pháp nghiên cứu khoa học/The methods of reseaching science** **3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và NCKH, về bản chất của NCKH cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học. HP cũng giúp Sinh viên vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc nghiên cứu, trình bày các luận điểm KH bộ môn, khoa học giáo dục

**9.9. Sinh thái học/Bionomics** **2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Trang bị kiến thức sinh thái học để hoàn thiện hệ thống kiến thức tổng hợp về lớp vỏ sống cảnh quan nhằm hiểu được bản chất của chu trình vật chất và năng lượng: trong hệ sinh thái. Những hiểu biết về sinh thái học và con người sẽ giúp cho việc ứng dụng kiến thức địa lý học tốt hơn trong quản lí tài nguyên và môi trường.

**9.10. Pháp luật đại cương/General laws** **2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Nội dung thực hiện theo Chỉ thị số 45/2007/CT-BGDĐT, ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT.

**9.11. Môi trường và con người/Environment and human** **2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Khái niệm môi trường, đối tượng, nhiệm vụ phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường; Các nguyên lí cơ bản của sinh thái học và khoa học môi trường; Dân số và sự phát triển dân số; Nhu cầu và các hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người; Tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường; Phương hướng và chương trình hành động bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam

**9.12. Toán cao cấp/Advanced mathematics** **4tc (36-48-0)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

\* **Đại số tuyến tính và hình học giải tích.** Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về đại số tuyến tính và hình học giải tích. Nội dung của học phần bao gồm: Hình học vector (Các phép tính và tính chất vector, Vector  $n$  chiều và không gian  $R^n$ ); Ma trận và các phép tính ma trận; Ma trận vuông cấp hai, ba và các tính định thức; Ma trận vuông cấp  $n$  và các tính toán; Ma trận nghịch đảo và cách tính; Hệ phương trình đại số tuyến tính; Dạng toàn phương

trong không gian  $R^3$  và phương pháp đưa về dạng chính tắc; Phương trình của các mặt và đường bậc hai.

\* **Phép tính vi phân và tích phân của hàm số:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để ứng dụng tính vi phân và tích phân của hàm số với nội dung chính bao gồm: hàm số một biến số, hàm liên tục, đạo hàm và vi phân của của một biến số, đạo hàm của hàm hợp và hàm ngược, ứng dụng vi phân để tính gần đúng, đạo hàm và vi phân cao cấp, hàm nhiều biến, đạo hàm riêng cấp một và cấp cao của hàm nhiều biến, cực trị của hàm hai biến, phương trình tiếp tuyến và phương trình mặt phẳng tiếp xúc.

\* Phép tính tích phân, chuỗi số, phương trình vi phân thường :

Phép tính tích phân của hàm số: nguyên hàm và tích phân xác định, tính tích phân xác định, tích phân suy rộng với cận vô hạn, tính tích phân hai lớp và ba lớp, tích phân mặt và cách tính, các công thức: Green, Stokes, Gauss, Ostrogradski.

Chuỗi số, lũy thừa và chuỗi Fourier : sự hội tụ và phân kỳ của một chuỗi số, chuỗi dương, chuỗi đan dấu, chuỗi lũy thừa, chuỗi Fourier

Phương trình vi phân thường: phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai, hệ phương trình vi phân tuyến tính cấp một với hệ số hằng số.

### **9.13. Xác suất – Thống kê/Probability and Mathematical Statistics**

**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về xác suất – thống kê: biến cố và xác suất của biến cố; Đại lượng ngẫu nhiên rời rạc; vectơ ngẫu nhiên liên tục; biến ngẫu nhiên tổng quát; Sự hội tụ của các biến ngẫu nhiên; luật số lớn và các định lý giới hạn; Tổng các biến ngẫu nhiên độc lập.

### **9.14 Công nghệ viễn thám / Remote sensing technology 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Hệ thống thông tin địa lí

Học phần cung cấp cho SV những Giới thiệu chung về viễn thám vệ tinh, Lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên, Đoán đọc điều vẽ ảnh vệ tinh, Tăng cường chất lượng ảnh viễn thám, Nắn chỉnh hình học ảnh viễn thám, Kỹ thuật phân loại trong viễn thám, Giới thiệu một số ứng dụng viễn thám.

### **9.15-9.18. Chọn 4 trong 7 học phần sau**

#### **a) Kiến thức địa phương Thanh Hóa/Thanh Hoa local knowledge**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa lí, lịch sử và văn hóa xứ Thanh, giúp SV có thể vận dụng kiến thức đã học trong thực tế địa phương, có những định hướng đúng trong việc lựa chọn ngành, môn học và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp.

#### **b) Hoá học đại cương/General Chemistry**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoá học đại cương, cấu tạo chất và hoá học vô cơ với các nội dung cụ thể sau: cấu tạo nguyên tử và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hoá học, cấu tạo phân tử và liên kết hoá học, nhiệt động học, cân bằng hoá học, tốc độ phản ứng hoá học, dung dịch các chất điện li, phản ứng ô xi hoá - khử và điện hoá học, hoá học nguyên tố nhóm s và p, hoá học các nguyên tố chuyển tiếp nhóm d

**c) Đại cương lịch sử Việt Nam/ The general history of Viet Nam**  
**2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần này cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử Việt Nam từ khởi đầu cho đến ngày nay. Các vấn đề chủ yếu trong nội dung các HP này là: Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước và pháp luật phong kiến, sự phát triển về kinh tế, các thành tựu văn hoá xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc và công cuộc đổi mới.

**d) Kinh tế phát triển/Development economics** **2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển, bao gồm các nội dung về những vấn đề lí luận của kinh tế học phát triển, các nguồn lực phát triển (tài nguyên, nhân lực, khoa học, công nghệ, nguồn lực, tài chính và vốn đầu tư) các ngành và lĩnh vực kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) trong phát triển.

**đ) Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam/History of oriental thought and Vietnam** **2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những NL cơ bản của chủ nghĩa M-LN

Học phần cung cấp cho SV những nội dung cơ bản về đặc điểm kết cấu kinh tế xã hội của các nước phương Đông; đặc điểm hình thành và phát triển, phong cách trình bày của hệ thống tư tưởng triết học phương Đông; nội dung cơ bản và các thời kỳ phát triển của tư tưởng phương Đông chủ yếu là Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam cũng như những nét đặc thù về cấu trúc và con đường phát triển của tư tưởng phương Đông, so sánh với phương Tây.

**e) Kỹ thuật soạn thảo văn bản/The Technology of compiling style**  
**2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về kỹ năng thực hành soạn thảo văn bản. Ngoài việc nâng cao nhận thức về thực hành văn bản trên hai phương diện tiếp nhận và tạo lập, học phần còn giúp cho sinh viên nắm bắt được những kỹ năng quan trọng trong việc phân tích và tạo lập văn bản khoa học tiếng Việt

**9.19-9.21. Chọn 3 trong 5 học phần sau**

**a) Thiên văn học/Astronomy** **2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về vũ trụ, thiên hà, sao, hệ Mặt Trời...; các giả thuyết về sự hình thành vũ trụ, sao, hệ Mặt Trời, Trái Đất; chuyển động của một số thiên thể trong vũ trụ và kết quả của các chuyển động này; một số phương pháp nghiên cứu thiên văn học và những thành tựu của con người trong quá trình chinh phục vũ trụ

**b) Mỹ học đại cương/General Aesthetics 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN

Học phần nghiên cứu đối tượng của Mỹ học, từ đó làm sáng rõ các phương diện: quan hệ thẩm mỹ với các bộ phận và tính chất của nó; chủ thể thẩm mỹ và các hình thức tồn tại, ý thức thẩm mỹ; khách thể thẩm mỹ với những khái niệm cơ bản: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài; nghệ thuật với các loại hình cơ bản; nghệ sĩ với những tư chất đặc biệt; bản chất của giáo dục thẩm mỹ và các loại hình thức giáo dục thẩm mỹ.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ học từ lập trường mác xít. Trên cơ sở đó giúp sinh viên biết cách sống và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, biết phân biệt các loại hình nghệ thuật, biết cách phân tích và đánh giá một tác phẩm nghệ thuật, xác định cho mình một lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, một thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

**c) Nhập môn khoa học giao tiếp/The Introduction of communicated science 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần trang bị cho người học về khoa học giao tiếp và hành vi giao tiếp; vai trò của giao tiếp; các phương pháp giao tiếp; các hoạt động giao tiếp (với đồng nghiệp; các nhân viên ngoài cơ quan...); sự tinh tế và hiệu quả trong giao tiếp với mọi người; trang phục khi giao tiếp; tâm thế trong giao tiếp; các môi trường giao tiếp trong đời sống; các đặc điểm trong giao tiếp với người nước ngoài và với người Việt.

**d) Kinh tế, xã hội Việt Nam và toàn cầu hóa, khu vực hóa/The economy and society of Viet Nam in globalization, regional. 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giới thiệu tổng quát về bức tranh kinh tế-xã hội Việt Nam trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới và vấn đề toàn cầu hóa, khu vực hóa của nền kinh tế thế giới.

**đ) Tai biến môi trường/ Catastrophe in enviroment 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Môi trường và con người

Cung cấp cho SV những kiến thức về tai biến môi trường thường xảy ra trên thế giới: nguyên nhân, đặc điểm, hậu quả và các biện pháp phòng chống, khắc phục giảm thiểu thiệt hại do tai biến môi trường gây ra.

Học phần giúp SV có kỹ năng vận dụng vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong công việc.

### **9.22. Lịch sử văn minh thế giới/World civilization History 2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giới thiệu tổng quát về sự hình thành, phát triển các nền văn minh trên thế giới, các thành tựu chủ yếu, vai trò, vị trí của nền văn minh này trong tiến trình lịch sử nhân loại với những nội dung cụ thể sau: Văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Hồi Giáo, văn minh phương Tây từ cổ đại đến hiện đại.

### **9.23. Cơ sở văn hóa Việt Nam/Vietnamese Culture Base 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Bao gồm những kiến thức về văn hóa, văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong lịch sử hình thành và phát triển từ nền tảng văn hóa, văn hóa truyền thống đến hiện đại như văn hóa Việt Nam thời kì tiền sử, sơ sử, thời kì đầu công nguyên, thời Đại Việt và thời hiện đại. Nội dung trọng tâm là văn hóa truyền thống và văn hóa Việt Nam chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại.

### **9.24. Logic học đại cương/General logic 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Bao gồm nội dung: những vấn đề của lôgic học truyền thống; một số nội dung của lôgic học hiện đại; lịch sử lôgic Những quy luật, những hình thức cơ bản của tư duy.

### **9.25. Tâm lí học đại cương/General psychology 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giới thiệu những quy luật chung nhất trong sự hình thành, phát triển và vận hành tâm lí người, sự vận dụng vào việc giáo dục con người phát triển toàn diện. Nội dung cơ bản gồm những vấn đề: Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lí người, hoạt động giao tiếp – bản thể của tâm lí người, sự hình thành nhân cách trí tuệ, tính cách, khí chất và xu hướng năng lực.

### **9.26. Xã hội học đại cương/General sociology 2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lí học đại cương

Giới thiệu khái quát lịch sử hình thành, phát triển khoa học xã hội học, đối tượng và phương pháp nghiên cứu xã hội học. Một số lĩnh vực nghiên cứu xã hội học như: xã hội học đô thị và nông thôn, xã hội học hôn nhân và gia đình, xã hội học truyền thống, xã hội học văn hóa...

### **9.27. Địa chất đại cương/Fundamental Geology 3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* không

Nội dung môn học bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu địa chất học; cấu tạo và các tính chất vật lý, hóa học của Trái Đất; đại cương về khoáng vật và đá; các quá trình địa chất (các quá trình địa chất nội lực và các quá trình địa chất ngoại lực); các thuyết địa kiến tạo.

### **9.28. Địa lý tự nhiên đại cương/Fundamental Physical Geography**

**2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa chất đại cương

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về Trái Đất: cấu tạo, hình dạng, kích thước Trái Đất và những hệ quả của nó; vận động của Trái Đất và các hệ quả địa lý; những kiến thức cơ bản về Thạch quyển; địa hình bề mặt Trái Đất.

### **9.29. Khí quyển - Thủy quyển/Atmosphere – Hydrosphere**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lý tự nhiên đại cương

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về Khí quyển: khái niệm khí quyển; bức xạ mặt trời và chế độ nhiệt; nước trong khí quyển; khí áp và hoàn lưu khí quyển; thời tiết và khí hậu; những kiến thức cơ bản về Thủy quyển: Khái niệm thủy quyển; các dạng nước trong thiên nhiên; tuần hoàn nước; nước trên lục địa.

### **9.30. Địa lí nhân văn/Human Geography**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lý tự nhiên đại cương

Bao gồm những kiến thức cơ sở về lĩnh vực địa lí nhân văn như: Dân tộc – Dân cư và định cư; Điều kiện địa lí và sinh thái lãnh thổ với phân bố dân tộc và chủng tộc; Dân cư và không gian phân bố; Vấn đề định cư và an cư; Di cư: nguyên nhân di cư, thuộc tính cơ bản của cộng đồng và cá nhân di cư, không gian nhập cư và sinh thái tộc người, thăm dò không gian di cư và quy hoạch tái định cư, tái định cư và sự phát triển cộng đồng; Văn hóa dân gian (Folk) và văn hóa công cộng; Ngôn ngữ và địa lí; Địa lí tôn giáo; Địa lí kinh tế; Địa lí chính trị; Đô thị hóa, đô thị nông thôn và địa lí học; Chiến lược phát triển lâu bền

### **9.31. Bản đồ học đại cương/Cartography**

**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* không

Nội dung môn học bao gồm: kiến thức cơ bản về bản đồ địa lý: khái niệm, cơ sở toán học của bản đồ địa lý, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hóa bản đồ địa lý; những đặc trưng của bản đồ địa lý dùng trong nhà trường, các phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ giáo khoa.

### **9.32. Trắc địa đại cương/Geodezy**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Toán giải tích

Bao gồm những kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình và đo đạc đại cương như: Những kiến thức cơ bản về đo vẽ địa hình; sai số trong đo đạc; Các nguyên lí và phương pháp đo góc, độ dài, độ cao; Lưới khống chế đo vẽ bản đồ; và phương pháp đo vẽ bản đồ; Khái niệm về đo vẽ địa hình bằng ảnh hàng không; Bản đồ địa hình và phương pháp sử dụng bản đồ địa hình.

### **9.33. Chọn 1 trong 2 học phần sau:**

#### **a) Thổ nhưỡng và Sinh quyển/Pedology and Biosphere**

**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Khí quyển - Thủy quyển

Nội dung môn học bao gồm: khái niệm cơ bản về sự hình thành và phân bố thổ nhưỡng trên thế giới; sinh quyển và sự phân bố các đới sinh vật trên Trái Đất; loài người trên Trái Đất;.

**b) Lớp vỏ cảnh quan và những quy luật địa lí chung của Trái Đất/Coat of landscape and geography laws of the Earth 3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các môn cơ sở địa lí tự nhiên

Trình bày khái niệm về cảnh quan học; lịch sử phát triển lớp vỏ cảnh quan; cấu trúc cảnh quan; các quy luật địa lí chung của lớp vỏ cảnh quan; phân loại cảnh quan và phân vùng Địa lí tự nhiên. Các kiến thức cơ bản về môi trường địa lí và vai trò của con người. Một số vấn đề về sử dụng hợp lý tự nhiên

**9.34. Chọn 1 trong 2 học phần sau:**

**a) Hệ thống thông tin Địa lí/Geographic information systems 3tc (10-0-70)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tin học

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lí thuyết hệ thống tin địa lí, bao gồm: Khái niệm, cấu tạo, chức năng, cấu trúc, dữ liệu và cơ sở dữ liệu, chu trình công nghệ hệ thống tin địa lí, ứng dụng hệ thống tin địa lí.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức cơ bản về xây dựng một dự án GIS nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**b) Địa lí đô thị/ Urban geography 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các môn cơ sở địa lí tự nhiên

Quá trình hình thành và phát triển của đô thị, quá trình đô thị hóa hiện nay trên thế giới và Việt Nam ; quy hoạch đô thị từ phạm vi rộng tới phạm vi hẹp; xây dựng đô thị trong bối cảnh hiện nay ở nước ta

**9.35. Dân số học và địa lí dân cư/Demography and Geography on population 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí nhân văn

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về dân số học và địa lí dân cư, bao gồm : các học thuyết về dân số, động lực phát triển dân số, kết cấu dân số, phân bố dân cư, các hình thức quần cư và vấn đề quan hệ giữa dân số với việc phát triển kinh tế – xã hội, tài nguyên môi trường và các chính sách dân số gắn với thực tiễn của thế giới và ở Việt Nam. Sau khi học xong học phần này, ngoài những tri thức cơ bản về dân số học và địa lí dân cư, sinh viên còn có khả năng xây dựng và phân tích tháp dân số, tính toán những chỉ tiêu chính về dân số.

**9.36. Địa lí Việt Nam/Geography of Vietnam 4tc (36-48-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí tự nhiên đại cương 1,2,3

Cung cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lí tự nhiên Việt Nam: Đặc điểm chung của thiên nhiên Việt Nam; cấu trúc địa chất và khoáng sản, địa hình khí hậu, thủy văn, hải văn, thổ nhưỡng, sinh vật, đặc điểm và quy luật phân hóa của thiên nhiên Việt Nam; Khái quát các miền Địa lí tự nhiên; địa lí dân cư Việt nam.

**9.37. Địa lý kinh tế đại cương/General Economic Geography**  
**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không.

Học phần trình bày: đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ của Địa lý kinh tế; cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ĐLKT; môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sản xuất xã hội, tổ chức sản xuất lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế.

**9.38. Địa lí kinh tế vùng Việt Nam/Economic Geography of Vietnam' region**  
**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí Việt Nam

Học phần trình bày một số vấn đề chung về phân vùng kinh tế Việt Nam; những đặc điểm kinh tế – xã hội nổi bật của 7 vùng kinh tế: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; địa lí các vùng kinh tế trọng điểm.

**9.39. Địa lí tự nhiên thế giới/Physical Geography in the world**  
**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Thổ nhưỡng và sinh quyển

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm chung, cấu trúc địa chất, địa hình, khoáng sản, đặc điểm khí hậu, nước lục địa các đới cảnh quan của các lục địa Á- Âu, Phi, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, lục địa Úc, và các đảo châu Đại Dương và lục địa Nam Cực.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng những quy luật địa lí chung của Trái đất để nghiên cứu đặc điểm tự nhiên của các lục địa và các khu vực lớn trên thế giới.

**9.40. Địa lí kinh tế - Xã hội thế giới và khu vực/Social-Economic Geography in the world and the region**  
**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí tự nhiên thế giới

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về nền kinh tế thế giới, những đặc điểm và xu hướng của nền kinh tế thế giới những năm cuối thế kỉ XX, đầu XXI cùng các trung tâm, các khu vực kinh tế, các tổ chức quốc tế chi phối sự phát triển kinh tế toàn cầu; Đặc điểm về tự nhiên, kinh tế xã hội ở một số quốc gia tiêu biểu với trình độ khác nhau; Cách tổ chức, quản lí, khai thác lãnh thổ, các chính sách đúng và phù hợp đã giúp nhiều quốc gia nghèo trở nên giàu có. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức để nghiên cứu Việt Nam, học tập kinh nghiệm và tìm hiểu trị trường các nước, hỗ trợ trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước.

**9.41. Cơ sở sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường/Based on used sensible resources and protect enviroment**  
**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí tự nhiên đại cương 1,2,3, Địa lí Việt Nam



Trình bày những khái niệm cơ bản về Tài nguyên, môi trường và phát triển; Những nguyên lí cơ bản của sinh thái học cảnh quan, địa lí học ứng dụng trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên ; ảnh hưởng của hoạt động phát triển kinh tế xã hội tới môi trường và tài nguyên; hiện trạng tài nguyên trên thế giới và Việt Nam; Ô nhiễm môi trường các nguyên nhân và biện pháp phòng chống; Những vấn đề cơ bản về tài nguyên và môi trường ở các vùng lãnh thổ Việt Nam và hướng phát triển bền vững .

Sau khi học xong, sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức phân tích các vấn đề tài nguyên và môi trường liên quan tới các hoạt động phát triển phục vụ sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

#### **9.42. Thực địa địa lí tự nhiên và bản đồ/Practice on Physical Geography and Cartography 2tc (3-54-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa chất đại cương, Bản đồ học đại cương, Trắc địa đại cương, Địa lí tự nhiên đại cương 1.

Thực địa trên một khu vực được lựa chọn từ trước theo các tuyến cắt qua các khu vực khác nhau (Thanh Hóa- Hòa Bình- Lạng Sơn-Quảng Ninh) với những đặc trưng của các thành phần tự nhiên ở các địa điểm khảo sát

#### **9.43. Chọn 1 trong 3 các học phần sau:**

##### **a) Xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ và phân tích số liệu thống kê địa lí/ Drawing type chart, map and analyze the geographical statistics**

**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Hệ thống thông tin Địa lí

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng xây dựng một số loại bản đồ, biểu đồ và phân tích chính xác các số liệu địa lí phục vụ nghiên cứu và giảng dạy ở trường phổ thông

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: vị trí địa lý; môi trường và tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề địa lý dân cư (dân cư, lao động, dân tộc, sự phân bố dân cư và quần cư; chất lượng cuộc sống); cơ cấu kinh tế; đặc điểm phát triển và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế Việt Nam: nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp và các ngành dịch vụ (giao thông vận tải và thông tin liên lạc, thương mại, du lịch).

##### **b) Địa lí dân cư, các ngành kinh tế Việt Nam/ Residential geography and economic industry of Vietnam**

**3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: vị trí địa lý; môi trường và tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề địa lý dân cư (dân cư, lao động, dân tộc, sự phân bố dân cư và quần cư; chất lượng cuộc sống); cơ cấu kinh tế; đặc điểm phát triển và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế Việt Nam: nông – lâm – ngư nghiệp, công

nghiệp và các ngành dịch vụ (giao thông vận tải và thông tin liên lạc, thương mại, du lịch).

**c) Phương pháp nghiên cứu địa lí/ The methods of reseaching geography 3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Hệ thống thông tin địa lí

Học phần cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí, giúp Sinh viên vận dụng tốt phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu khoa học địa lí.

**Chuyên ngành Quản lí tài nguyên môi trường**

**9.44. Quản trị học/Management Theory 3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Đi sâu nghiên cứu những nguyên tắc, chức năng, phương pháp quản lí, hệ thống tổ chức quản lí, những hoạt động cơ bản quản trị lao động, vật tư, thiết bị, tài sản, tiền vốn cùng các công nghệ quản lí nhằm đạt mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

Học phần bao gồm những nội dung sau: Nhập môn quản trị học; Nguyên tắc và phương pháp quản trị; Quản trị lao động, vật tư, thiết bị, tài sản, tiền vốn...; Công nghệ và kỹ thuật quản lí; Vận dụng các nguyên tắc quản lí vào lĩnh vực quản lí tài nguyên và môi trường.

**9.45. Quản lí tài nguyên đất - rừng - khoáng sản/Administration of land - forest – mineral resources 3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học

Trình bày các kiến thức cơ bản về tài nguyên đất-rừng-khoáng sản vai trò chức năng của tài nguyên đất-rừng-khoáng sản trên thế giới và Việt Nam, các quá trình làm thoái hóa đất; suy giảm tài nguyên rừng và làm cạn kiệt tài nguyên khoáng sản; nguyên tắc, nội dung công tác quản lí, tổ chức quản lí, phương pháp và công cụ quản lí các tài nguyên này.

**9.46. Quản lí tài nguyên nước và môi trường biển/Administration of water resources and sea enviroment 3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Quản lí tài nguyên đất - rừng - khoáng sản

Trình bày các khái niệm về tài nguyên nước môi trường biển trên thế giới và Việt Nam; các vấn đề ô nhiễm nước, môi trường biển; cạn kiệt tài nguyên nước và tài nguyên biển; nguyên tắc, nội dung công tác quản lí, tổ chức quản lí, phương pháp và công cụ quản lí tài nguyên nước môi trường biển .

Trình bày các khái niệm về tài nguyên nước, vai trò của nước đối với sản xuất và đời sống, thực trạng sử dụng tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam; các vấn đề ô nhiễm tài nguyên nước; nguyên tắc, nội dung công tác quản lí, tổ chức quản lí, phương pháp và công cụ quản lí tài nguyên nước

**9.47. Kinh tế môi trường/Environment economy 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Quản lý tài nguyên đất-rừng-khoáng sản, nước và môi trường biển.

HP cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế môi trường - một ngành phụ trung gian giữa các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những điểm cần ghi nhớ khi xem xét kinh tế môi trường: các tài nguyên không tái tạo và tài nguyên tái tạo; khai thác kinh tế tài nguyên đảm bảo sự phát triển bền vững; kiểm soát khả năng phục hồi tài nguyên tái tạo và khả năng hấp thụ của môi trường; nâng cao trách nhiệm với thiên nhiên; kiểm soát dân số.

**9.48. Thực tế môi trường đô thị , khu công nghiệp và làng nghề/Practice on urban environment, industrial zone and job village 2tc (3-54-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* các học phần đại cương, các học phần ngành và chuyên ngành.

Thực địa trên một khu vực được lựa chọn từ trước theo các tuyến cắt qua các đô thị và khu công nghiệp khác nhau thuộc các tỉnh (Nghệ An- Hà Tĩnh- Quảng Bình- Huế-Đà Nẵng- Quảng Nam)

**9.49a-9.50a. Chọn 2 trong 4 các học phần sau:**

**a) Du lịch sinh thái/Ecotourism 2tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Quản lý tài nguyên rừng

Học phần này trang bị cho người học những nội dung sau: Khái niệm về du lịch sinh thái; Tài nguyên du lịch sinh thái; Các loại hình du lịch sinh thái; Hướng dẫn du lịch sinh thái; Các lãnh thổ du lịch sinh thái ở Việt Nam (Rừng ngập mặn, các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên, các vùng sinh thái đá vôi, núi cao, rừng đặc dụng, ngoại ô đô thị, đảo, bờ biển.... Phát triển du lịch sinh thái bền vững.

**b) Nghiên cứu địa lý địa phương/ Local Geographical study 2tc(18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lý tự nhiên Việt Nam

Học phần trình bày các nội dung chủ yếu: những vấn đề cơ bản của nghiên cứu địa lý địa phương và vận dụng vào việc nghiên cứu địa lý Thanh Hoá.

**c) Địa lý du lịch Việt Nam/ Tourism geography of Vietnam 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lý kinh tế vùng Việt Nam

Học phần trang bị cho người học vai trò của du lịch trong nền kinh tế-xã hội Việt Nam; các tài nguyên du lịch Việt Nam và sức thu hút du khách; hệ thống cơ sở vật chất-kỹ thuật của ngành du lịch; các hình thức du lịch chủ yếu; các vùng, tuyến và điểm du lịch chủ yếu; phương hướng phát triển du lịch đất nước và các vùng du lịch chủ yếu.

**d) Giáo dục môi trường qua môn Địa lý/ Enviromental teaching in geographical event 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp dạy học địa lý ở trường THPT

Học phần trình bày những nhận thức cơ bản về môi trường; tình hình khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hiện trạng môi trường trên thế giới và ở nước ta; giáo dục môi trường trên thế giới và ở nước ta, giáo dục môi trường qua môn địa lý ở trường THCS và THPT.

***Chuyên ngành Địa lí và môi trường biển***

**9.44b. Địa mạo bờ biển/ Coastal geomorphology 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí tự nhiên Việt Nam

Cung cấp các khái niệm địa mạo bờ biển, các yếu tố hình thành địa hình bờ biển, đặc điểm địa mạo bờ biển và ứng dụng; những đặc điểm nổi bật của địa mạo bờ biển Việt Nam và vấn đề khai thác tổng hợp tài nguyên ven biển hợp lý, bảo vệ môi trường bờ biển phát triển bền vững.

**9.45b. Phương pháp nghiên cứu địa lý và môi trường biển/ Geographical research methods and the marine environment 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp nghiên cứu khoa học

Cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu địa lý và môi trường biển, giúp người học thành thạo các kỹ năng đặc thù trong nghiên cứu địa lý và môi trường biển (thu thập, xử lý thông tin, sử dụng các công cụ tin học, xây dựng bản đồ...)

**9.46b. Sinh thái biển và đại dương/ Sea and Ocean Ecology**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa mạo bờ biển

Cung cấp những kiến thức cơ bản về Môi trường biển, Thực vật phù du và năng suất sơ cấp, Động vật phù du, Sinh vật trôi nổi, Sinh vật đáy, Dòng năng lượng và chu trình khoáng chất, Các quần xã sinh vật đáy, Tác động của con người.

**9.47b-9.50b. Chọn 4 trong 7 học phần sau:**

**a) Kinh tế biển Việt Nam/ Vietnam's sea economic 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa mạo bờ biển

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng với trữ lượng, quy mô thuộc loại khá của Biển Việt Nam; Cơ sở hạ tầng các vùng biển, ven biển và hải đảo và sự phát triển của kinh tế biển Việt Nam: khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải (vận tải biển, đóng và sửa chữa tàu biển, dịch vụ cảng biển), du lịch biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy, hải sản, thông tin liên lạc...

**b) Hệ sinh thái vùng cửa sông ven biển / Estuarine and coastal ecosystems 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh thái biển và đại dương

Cung cấp những kiến thức cơ bản: rừng ngập mặn, cỏ và tảo biển, rạn san hô, cửa sông và đầm phá, bãi biển cát, bờ biển đá, bãi bùn, sông và hồ, ruộng

lúa, nuôi trồng thủy sản, các thành phố gần biển; hệ sinh thái cửa sông, ven biển ở nước ta.

**c) Cơ sở hải dương học / Oceanographic basis 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Hệ sinh thái vùng cửa sông ven biển

Cung cấp những kiến thức tổng quát về đại dương Thế giới: Thành phần, tính chất vật lý và hóa học của nước biển, Các tính chất quang học và âm học của nước biển, Sự xáo trộn nước trong đại dương, Trao đổi nhiệt và ẩm trong hệ thống đại dương - khí quyển, Cấu trúc không gian của nước đại dương và các khối nước, Băng trong đại dương và Các quá trình động lực học: Dòng chảy và hoàn lưu nước đại dương, Sóng trong đại dương, Thủy triều trong đại dương, Tài nguyên sinh vật, khoáng vật và năng lượng của đại dương.

**d) GIS và viễn thám trong nghiên cứu địa lý biển/ GIS and remote sensing in marine geography research 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Hệ thống thông tin địa lí

Sử dụng một số phần mềm GIS - Viễn thám trong nghiên cứu, xây dựng các bản đồ bảo tồn đa dạng sinh học biển của các hệ sinh thái biển, ven bờ như rừng ngập mặn, san hô, cỏ biển, đất ngập nước... và dự báo các tai biến thiên nhiên, môi trường (như lũ lụt, triều đỏ, ô nhiễm khác...)

**e) Quản lý thống nhất đới bờ / Unified coastal management**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* GIS và viễn thám trong nghiên cứu địa lý biển

Quản lý tổng hợp đới bờ (QLTHĐB) đề cập tới một phương pháp quản lý việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững đới bờ, thông qua việc tìm kiếm và áp dụng các giải pháp giải quyết các vấn đề mâu thuẫn sử dụng mang tính cạnh tranh về tài nguyên. QLTHĐB cho phép tính đến các giá trị tài nguyên và lợi ích trước mắt cũng như lâu dài ở đới bờ, từ đó tìm ra sự cân bằng bền vững giữa phát triển kinh tế và an toàn tài nguyên và môi trường.

**g) Địa chất biển/ Marine geology**

**2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Quản lý thống nhất đới bờ

Cung cấp các kiến thức cơ bản về Địa vật lý biển và kiến tạo mảng, Địa chất hóa học biển, Khoáng sản biển, Địa chất môi trường biển, Tai biến địa chất biển, Trầm tích và hóa thạch học biển; địa chất biển Đông

**h) Cơ sở cảnh quan học/ The basis of landscape 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Địa lí Việt Nam

Môn học trình bày đối tượng, nội dung lịch sử của cảnh quan học, quy luật phân hoá cảnh quan, học thuyết về cảnh quan (khái niệm các yếu tố thành tạo cảnh quan, cấu trúc hình thái và cấu trúc chức năng của cảnh quan, phân loại và phân vùng cảnh quan), cảnh quan và con người.

### ***Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch***

#### **9.44c. Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch / Political system and legal documents related to tourism 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN

Cung cấp cho SV lịch sử hình thành, những đặc trưng cơ bản của thể chế chính trị theo định hướng XHCN ở nước ta và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch : Luật du lịch, những cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực du lịch khi gia nhập WTO, Quy hoạch về du lịch của cả nước và một số địa phương...Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng tốt trong hoạt động du lịch.

#### **9.45c. Tổng quan du lịch / Tourism Overview 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* không

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch: khái niệm về du lịch, khách du lịch, phân loại du lịch, các tài nguyên du lịch và phương pháp đánh giá, thị trường và sản phẩm du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch... Xác định nhu cầu của du khách; hạch toán kinh tế trong du lịch; sản phẩm của hoạt động du lịch; quá trình hình thành và phát triển của các dòng du lịch Quốc tế, phân loại khách du lịch quốc tế.

#### **9.46c. Quản trị kinh doanh lữ hành/ Travel business administration 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tổng quan du lịch

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kinh doanh lữ hành: xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện chương trình, quản lý chất lượng sản phẩm lữ hành, kinh doanh đại lý lữ hành...; hình thành các kỹ năng quản lý và kỹ năng tác nghiệp trong kinh doanh lữ hành.

#### **9.47c-9.50c. Chọn 4 trong 6 học phần sau:**

##### **a) Tuyển điểm du lịch Việt Nam/ Tourism routes and destinations in Vietnam**

*Điều kiện tiên quyết:* Nhập môn khoa học du lịch 2tc (18-24-0)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về tài nguyên du lịch, các tuyến và điểm du lịch tiêu biểu, đặc điểm du lịch và xu hướng phát triển của du lịch Việt Nam.

##### **b) Tâm lý khách du lịch / Psychology tourists 2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tổng quan du lịch

Cung cấp cho người đọc một số kiến thức cơ bản, phổ biến về tâm lý con người trong cuộc sống nói chung và tâm lý khách du lịch trong hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng. người học có thể bổ sung hoàn thiện thêm kiến thức trong quan hệ xã hội, quan hệ giao tiếp với khách du lịch, để từ đó có những hành vi ứng xử hợp lý trong quan hệ trong doanh nghiệp với cấp trên, cấp dưới, trong quan hệ phục vụ với khách du lịch.

**c) Giao tiếp ứng xử trong du lịch và Phẩm chất đạo đức nghề hướng dẫn du lịch / Communication behavior in tourism and ethical qualities tourist guide** **2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý khách du lịch

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Văn hoá du lịch, Du lịch văn hoá; nghệ thuật, tâm lý giao tiếp, ứng xử trong du lịch.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề hướng dẫn du lịch: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp đảm bảo an toàn và lợi ích cho khách du lịch, Quy tắc ứng xử trong du lịch của Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) với những nhà hoạt động du lịch chuyên nghiệp và các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của khách du lịch, Hướng dẫn viên

**d) Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và Thực hành hướng dẫn du lịch/ Professional tourist guide and travel guides Practice** **2tc (18-24-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Giao tiếp ứng xử trong du lịch và Phẩm chất đạo đức nghề hướng dẫn du lịch

Học phần cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn: Hướng dẫn viên du lịch trong kinh doanh du lịch, các kỹ năng tổ chức, hướng dẫn chương trình du lịch, hướng dẫn phương pháp tham quan, thuyết minh và phục vụ du khách. Học phần còn giúp sinh viên có những phương pháp chung trong việc xử lý các mối quan hệ trong suốt chuyến tham quan du lịch; đồng thời cung cấp các kỹ năng cơ bản trong giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình tác nghiệp nghề hướng dẫn viên du lịch.

Thực hành hướng dẫn Tour du lịch trong 1-2 ngày dưới sự chỉ đạo của giảng viên tới một số địa điểm du lịch trong tỉnh và lân cận.

**e) Du lịch sinh thái/Ecotourism (trang 18)** **2tc (27-36-0)**

**g) Địa lí du lịch Việt Nam/ Tourism geography of Vietnam (trang 18)**

**2tc (18-24-0)**

**9.51. Thực tập tốt nghiệp/Final practice** **5 tc**

SV thực hành nghề nghiệp tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc tại các cơ sở kinh doanh lữ hành, các Khu du lịch ở trong và ngoài Thanh Hoá hay trường phổ thông theo định hướng nghề nghiệp được lựa chọn.

**9.52. Khoá luận tốt nghiệp/Thesis** **6 tc**

**Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp**

**a) Một số vấn đề cơ bản của địa lí học/ Some basic problems of geography** **3tc (27-36-0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Thực tập sư phạm

Học phần trình bày những vấn đề cơ bản, hiện đại của khoa học địa lí trong thời đại ngày nay về: nội dung, phương pháp và nhiệm vụ nghiên cứu của địa lí học.

**b) Quản lý môi trường địa phương****3tc (27-36-0)****Administration of region environment***Điều kiện tiên quyết:* Các học phần đại cương và cơ sở

Giúp người học có được các kiến thức, kỹ năng nghiên cứu, hoạch định chính sách và quản lý môi trường, nhất là ở địa phương và có những hiểu biết cần thiết cả về lý luận và thực tiễn, cũng như những công việc cụ thể mà mình phải thực hiện sau khi tốt nghiệp

**10. Danh sách Bộ môn đảm nhận quản lý và thực hiện chương trình**

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Khoa, BM giảng dạy</b>
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BM Những Nguyên lý cơ bản của CNML. Khoa Lí luận chính trị
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BM TT. Hồ Chí Minh, Khoa Lí luận chính trị
3.	Đường lối CM của Đảng Cộng sản V.Nam	BM Đường lối cách mạng của ĐCSVN , Khoa Lí luận chính trị
4.	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
5.	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
6.	Giáo dục thể chất	GD thể chất
7.	Giáo dục quốc phòng	GD QP
8.	Tin học	Kĩ thuật-công nghệ
9.	Phương pháp NCKH	BM Địa lý
10.	Sinh thái học	BM Sinh-KHTN
11.	Pháp luật đại cương	Lí luận chính trị
12.	Môi trường và con người	BM Địa lý
13.	Toán cao cấp	Toán ứng dụng
14.	Xác suất-thống kê (B)	Toán ứng dụng
15.	Hóa học đại cương	BM Hóa học
16.	Đại cương lịch sử Việt Nam	BM Sử-Khoa học xã hội
17.	Kinh tế phát triển	BM Địa lý
18.	Thiên văn học	BM Địa lý
19.	Nhập môn khoa học giao tiếp	Tâm lý-Giáo dục
20.	Lịch sử tư tưởng phương đông và Việt Nam	BM Sử ,KHXX
21.	Công nghệ Viễn Thám	BM Địa
22.	Kiến thức địa phương Thanh Hoá	BM Sử ,KHXX
23.	Kĩ thuật soạn thảo văn bản	Ngôn ngữ và PPDH Văn
24.	Mĩ học đại cương	LLVH&VHNN
25.	Kinh tế, xã hội Việt Nam và toàn cầu hóa, khu vực hóa	BM Địa lý
26.	Tai biến môi trường	BM Địa lý
27.	Lịch sử văn minh thế giới	BM Sử ,KHXX



28.	Cơ sở văn hoá Việt nam	BM Văn học Việt Nam
29.	Logic học đại cương	LLVH&VHNN
30.	Tâm lý học đại cương.	BM Tâm lí-GD
31.	Xã hội học đại cương.	BM Sử ,KHXXH
32.	Địa chất đại cương	BM Địa lý, KHXXH
33.	ĐL tự nhiên đại cương (Trái Đất và Thạch quyển)	BM Địa lý, KHXXH
34.	Khí quyển- thủy quyển	BM Địa lý, KHXXH
35.	Địa lí nhân văn	BM Địa lý
36.	Bản đồ học đại cương	BM Địa lý
37.	Trắc địa đại cương	Khoa Nông-Lâm- Ngư
38.	Thổ nhưỡng, sinh quyển...	BM Địa lý, KHXXH
39.	Hệ thống thông tin địa lí	BM Địa lý, KHXXH
40.	Lớp vỏ cảnh quan và những quy luật địa lí chung của Trái Đất	BM Địa lý, KHXXH
41.	Địa lí đô thị	BM Địa lý, KHXXH
42.	Dân số học và địa lí dân cư	BM Địa lý, KHXXH
43.	Địa lí Việt Nam	BM Địa lý, KHXXH
44.	Địa lí kinh tế vùng Việt Nam	BM Địa lý, KHXXH
45.	Địa lí tự nhiên thế giới	BM Địa lý, KHXXH
46.	Địa lí kinh tế- xã hội thế giới và khu vực	BM Địa lý, KHXXH
47.	Cơ sở sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường	BM Địa lý, KHXXH
48.	Thực địa địa lí tự nhiên	BM Địa lý, KHXXH
49.	Địa lí kinh tế đại cương	BM Địa lý, KHXXH
50.	Xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ và phân tích số liệu thống kê	BM Địa lý, KHXXH
51.	Địa lí dân cư, các ngành kinh tế Việt Nam	BM Địa lý, KHXXH
52.	Phương pháp nghiên cứu địa lí	BM Địa lý, KHXXH
53.	Quản trị học	Khoa KT-Quản trị KD
54.	Quản lí tài nguyên đất-rừng-khoáng sản	BM Địa lý, KHXXH
55.	Quản lí tài nguyên nước-môi trường biển	BM Địa lý, KHXXH
56.	Nghiên cứu địa lí địa phương	BM Địa lý, KHXXH
57.	Thực tế môi trường một số đô thị, khu công nghiệp và làng nghề	BM Địa lý, KHXXH
58.	Du lịch sinh thái	BM Địa lý, KHXXH
59.	Kinh tế môi trường	BM Địa lý, KHXXH
60.	Địa lí du lịch Việt Nam	BM Địa lý, KHXXH
61.	Giáo dục môi trường qua môn Địa lí	BM Địa lý, KHXXH
62.	Một số vấn đề cơ bản của địa lí học	BM Địa lý, KHXXH
63.	Quản lý môi trường địa phương	BM Địa lý, KHXXH
64.	Địa mạo bờ biển	BM Địa lý, KHXXH
65.	Phương pháp nghiên cứu địa lí và môi trường biển	BM Địa lý, KHXXH

66.	Sinh thái biển và đại dương	BM Sinh, KHTN
67.	Kinh tế biển Việt Nam	BM Địa lý, KHXXH
68.	Hệ sinh thái vùng cửa sông ven biển	BM Sinh, KHTN
69.	Cơ sở hải dương học	BM Địa lý, KHXXH
70.	GIS và viễn thám trong nghiên cứu địa lý biển	BM Địa lý, KHXXH
71.	Quản lý thống nhất đới bờ	BM Địa lý, KHXXH
72.	Địa chất biển	BM Địa lý, KHXXH
73.	Cơ sở cảnh quan học	BM Địa lý, KHXXH
74.	Tổng quan du lịch	BM Việt Nam học, KHXXH
75.	Quản trị kinh doanh lữ hành	BM Việt Nam học, KHXXH
76.	Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch	BM Việt Nam học, KHXXH
77.	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	BM Việt Nam học, KHXXH
78.	Tâm lý khách du lịch	BM Việt Nam học, KHXXH
79.	Giao tiếp ứng xử trong du lịch và Phẩm chất đạo đức nghề hướng dẫn du lịch	BM Việt Nam học, KHXXH
80.	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và Thực hành hướng dẫn du lịch	BM Việt Nam học, KHXXH

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

### 11.1. Cơ sở vật chất thiết bị phục vụ dạy học ở trường Đại học Hồng Đức:

- Thực trạng: hiện tại bộ môn chỉ mới có một phòng 12m<sup>2</sup> dành cho việc đề bản đồ và một số phương tiện, thiết bị . Các phương tiện này chỉ phù hợp cho việc đào tạo ngành Sư phạm địa lí theo chương trình cũ.

- Bộ môn cần trang bị một phòng thực hành trên 50m<sup>2</sup> với các thiết bị :

Bộ bản đồ địa hình, các thiết bị đo độ ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí; ô nhiễm đất; các thiết bị định vị vệ tinh GPS, 40 máy vi tính nối mạng có cài đặt các phần mềm có bản quyền: Map Info 9.0, SPSS...để học các học phần Cơ sở viễn thám, Hệ thống thông tin địa lí...

### 11.2. Danh mục tài liệu, giáo trình cơ bản thực hiện chương trình

TT	Tên học phần	Giáo trình
1.	Phương pháp NCKH	1.Vũ Cao Đàm : Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học kỹ thuật, ĐHQG Hà Nội, 1998 2.Phạm Viết Vượng: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học kỹ thuật, ĐHQG Hà Nội, 2004
2.	Môi trường và con người	1.Mai Đình Yên: Môi trường và con người, NXB Giáo dục, 2005 2.Lưu Đức Hải: Cơ sở khoa học môi trường, NXB ĐHQG Hà Nội, 2006
3.	Kinh tế phát triển	1.Phan Thúc Huân: Kinh tế phát triển, NXB Thống kê TP. Hồ Chí Minh, 2006 2.NXB Chính trị Quốc gia, Kinh tế phát triển, 2005
4.	Đại cương lịch sử Việt Nam	1) Trương Hữu Quýnh, Đại cương lịch sử VN, tập 1,2. Nxb GD, HN 1999

		2) Nguyễn Cảnh Minh, Đề cương bài giảng lịch sử VN , H 1996
5.	Thiên văn học	1) Trần Quốc Hà: Thiên văn học đại cương, ĐHSP thành phố Hồ chí Minh, 2007 2) Nguyễn Việt Long: Thiên Văn Và Vũ Trụ, Nxb Khoa học Kỹ thuật, năm 2006
6.	Nhập môn khoa học giao tiếp	1) Nguyễn Văn Lê, <i>Nhập môn khoa học giao tiếp</i> , Nxb GD, HN., 2004. 2) Nguyễn Sinh Huy, <i>Nhập môn khoa học giao tiếp</i> , Nxb GD, HN., 2005.
7.	Lịch sử tư tưởng phương đông và Việt Nam	1) Nguyễn Tài Thư (cb), <i>Lịch sử tư tưởng VN t1</i> , Nxb KHXH, HN, 1993 2) Nguyễn Gia Phu, <i>Lịch sử tư tưởng phương đông và VN</i> , ĐH tổng hợp TPHCM, 1996 3)Đàm Gia Kiện, <i>Lịch sử văn hoá Trung Quốc</i> , Nxb KHXH, HN 1993 4) <i>Lịch sử Tư tưởng VN</i> , Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, Nxb CTQG, HN, 2002 (2 tập)
8.	Công nghệ viễn thám	1) Nguyễn Ngọc Thạch (chủ biên): <i>Viễn thám và hệ thống tin địa lí ứng dụng</i> , NXB Đại học khoa học Tự nhiên, 2002 2) Đặng Văn Đức: <i>Hệ thống tin địa lí ứng dụng</i> , NXB Giáo dục, 2005
9.	Kiến thức địa phương Thanh Hoá	1.Lê Huỳnh: <i>Nghiên cứu địa lí địa phương</i> , NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 1992 2. Lê Thông (chủ biên), <i>Địa chí Thanh Hóa</i>
10.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	1) Vương Thị Kim Thanh, <i>Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản</i> , NXB Thống kê, HN, 2007. 2) Bùi Khắc Việt, <i>Kỹ thuật và ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lý nhà nước</i> , NXB KHXH, HN, 1998
11.	Mĩ học đại cương	1)Lê Duy Trà (chủ biên) <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB VHTT, HN, 1994. 2) Đỗ Văn Khang, <i>Mỹ học Mác – Lênin</i> , NXB ĐH và THCN, HN 1985
12.	Kinh tế-xã hội Việt Nam với toàn cầu hóa, khu vực hóa	1) GS,TS. Võ Thanh Thu, <i>Quan hệ kinh tế quốc tế</i> , Nxb Thống kê, HN., 2005. 2) PGS,TS. Nguyễn Văn Trình (Chủ biên), <i>Kinh tế đối ngoại Việt Nam</i> , NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh, 2006
13.	Tai biến thiên nhiên	1) Nguyễn Cẩm – Nguyễn Đình Hoà: <i>Tai biến môi trường</i> , ĐHQG Hà Nội, 2005 2) Lưu Đức Hải: <i>Cơ sở khoa học môi trường</i> , NXB ĐHQG Hà Nội, 2006
14.	Lịch sử văn minh thế giới	1)Vũ Dương Ninh, <i>Lịch sử văn minh thế giới</i> , Nxb GD, HN, 1998 2) Will Durant, <i>Lịch sử văn minh ấn Độ</i> , Nxb Lá Bối, SG, 1971 3) Đỗ Đình Hăng ....., <i>Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa</i> (3tập), Nxb QĐND, HN, 1993-96
15.	Cơ sở văn hoá Việt nam	1.Trần Quốc Vương, <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , NXB GD, HN, 1997 2. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , NXB GD, HN, 1997
16.	Lôgic học đại cương	1.Vũ Tất Đạt: <i>Lôgic học đại cương</i> , NXB ĐHQG Hà Nội, 2004 2. Nguyễn Như Hải : <i>Giáo trình Lôgic học đại cương</i> , NXB Giáo dục, 2007
17.	Xã hội học đại cương.	1.Phạm Tất Dong. ...: <i>Xã hội học đại cương</i> , NXB ĐHQG Hà Nội, 2001 2.Nguyễn Sinh Huy: <i>Xã hội học đại cương</i> , NXB ĐHQG Hà Nội, 2002
18.	Địa chất đại cương	1. Trần Anh Châu: <i>Địa chất đại cương</i> , NXB Giáo dục, 1992 2. Phùng Ngọc Đĩnh, Lương Hồng Hược: <i>Địa chất đại cương</i> , ,

		NXB ĐHSPP Hà Nội, 2005
19.	ĐL tự nhiên đại cương	1. Lê Bá Thảo: Cơ sở Địa lý tự nhiên, tập I, NXB Giáo dục, 1987 2. Nguyễn Trọng Hiếu: Địa lý tự nhiên đại cương 1, NXB ĐHQG Hà Nội, 2004
20.	ĐL nhân văn	1. Lê Thông: Địa lí nhân văn, NXB ĐHSPP Hà Nội, 2002 2. Cơ sở địa lí nhân văn, NXB ĐHSPP, Hà Nội 2008
21.	Bản đồ học đại cương	1. Lê Huỳnh: Bản đồ học, NXB Giáo dục, 1999 2. Ngô Đạt Tam, Lê Ngọc Nam: Bản đồ học, NXB Giáo dục, 1987
22.	Trắc địa đại cương	1. Trần Đức Thanh: Giáo trình “Đo vẽ địa hình”, NXB ĐHSPP Hà Nội, 2001 2. Phạm Ngọc Đĩnh (chủ biên): Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 1992
23.	Thổ nhưỡng và Sinh quyển	1. Lê Bá Thảo: Cơ sở Địa lý tự nhiên, NXB Giáo dục tập III. 1987 2. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên): Địa lý tự nhiên đại cương (tập 3), NXB Đại học Sư phạm, 2004.
24.	Hệ thống thông tin địa lí	1) Nguyễn Ngọc Thạch (chủ biên): Viễn thám và hệ thống tin địa lí ứng dụng, NXB Đại học khoa học Tự nhiên, 2002 2) Đặng Văn Đức: Hệ thống tin địa lí ứng dụng, NXB Giáo dục, 2005
25.	Lớp vỏ cảnh quan và những quy luật địa lí chung của Trái Đất	1. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên): Địa lý tự nhiên đại cương (tập 3), NXB Đại học Sư phạm, 2004 2. Kaletxnik.X.V: Các quy luật chung của Trái Đất. Bản dịch của Đào Trọng Năng, NXB Khoa học kỹ thuật, 1973
26.	Địa lí đô thị	1) Phạm Thị Xuân Thọ: Địa lí đô thị, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005
27.	Dân số học và địa lí dân cư	1) Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông : Dân số học và địa lí dân cư, NXB ĐHSPP Hà nội, 2000 2) Lê Thông (chủ biên): Dân số, tài nguyên, môi trường, NXB ĐHSPP Hà Nội, 2000
28.	Địa lí Việt Nam	1. Bộ môn Địa lí Khoa KHXH: Địa lí Việt Nam, ĐH Hồng Đức, 2008 2. Vũ Tự Lập: Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005
29.	Địa lí kinh tế vùng Việt Nam	1) Lê Thông: Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, ĐHSPP Hà nội, 2005 2) Văn Thái : Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, NXB Thống kê, 1999
30.	Địa lí tự nhiên thế giới	1) Bộ môn Địa lí Khoa KHXH: Địa lí tự nhiên thế giới, ĐH Hồng Đức, 2008 2) Nguyễn Phi Hạnh: Địa lí tự nhiên các lục địa, tập 1,2, NXB Giáo dục 1992
31.	Địa lí kinh tế- xã hội thế giới và khu vực	1) Bùi Thị Hải Yên: Địa lí kinh tế- xã hội thế giới, NXB Giáo dục, 2007 2) Ông thị Đan Thanh-Trần Bích Thuận: Địa lý kinh tế thế giới, NXB Giáo dục, 2002
32.	Cơ sở sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường	1) Lê Thạc Cán: Cơ sở khoa học môi trường của (Chương trình Quốc gia nghiên cứu bảo vệ môi trường), NXB ĐHQG Hà nội, 1995 2) Lê Văn Khoa (chủ biên): Khoa học môi trường, NXB Giáo dục, 2002
33.	Địa lí kinh tế đại cương	1) Lê Văn Trường: Địa lí kinh tế - xã hội đại cương, NXB Chính trị Quốc gia, 2006 2) Lê Thông: Địa lí kinh tế - xã hội đại cương, NXB ĐHSPP Hà Nội, 2006
34.	Xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ kinh	1. Nguyễn Trọng Phúc: Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lí kinh tế-xã hội, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997

	tế-xã hội và phân tích số liệu thống kê	2) Lê Huỳnh: Bản đồ học, NXB Giáo dục, 1999
35.	Địa lí dân cư, các ngành kinh tế Việt Nam	1. Lê Thông: Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, NXB ĐHSP Hà nội, 2005 2. Nguyễn Việt Thịnh: Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, NXB Giáo dục, 2001
36.	Phương pháp nghiên cứu địa lí	1) Z.E. Dzenis :Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý KT-XH, NXB Giáo dục, HN 1993. 2) Vũ Cao Đàm : Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học kỹ thuật, ĐHQG Hà Nội, 1998
37.	Quản trị học	1) ĐH KT Quốc dân: Quản trị học, 2006 2) Thân Tôn Trọng Tín: Quản trị học, ĐHKT Đà Nẵng, 2007
38.	Quản lí tài nguyên đất-rừng-khoáng sản	1) Trần Kông Tấu: Tài nguyên đất, NXB ĐHQG Hà nội, 2006 2) Lưu Đức Hải: Cẩm nang quản lý môi trường, NXB Giáo dục, 2006
39.	Quản lí tài nguyên nước-môi trường biển	1) Raymond Desjardins: Xử lý nước, NXB Xây dựng, 2006 2) Nguyễn Chu Hồi: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005
40.	Nghiên cứu địa lí địa phương	1) Lê Huỳnh: Nghiên cứu địa lí địa phương, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 1992 2) Lê Thông (chủ biên), Địa chí Thanh Hóa
41.	Du lịch sinh thái	1) Lê Huy Bá: Du lịch sinh thái, NXB Khoa học kỹ thuật. 2) Kreg Lindberg, Megan Epler Wood, David Engeldrum: Du lịch sinh thái- Hướng dẫn cho nhà lập kế hoạch và quản lý, Tập 2, Cục môi trường xuất bản, năm 2000
42.	Kinh tế môi trường	1) Lê Thạc Cán ...: Kinh tế môi trường, NXB Thống kê, 2004 2) BM Địa lí: Kinh tế môi trường, ĐH Hồng Đức, 2009
43.	Địa lí du lịch Việt Nam	1) Bộ môn Địa lí Khoa KHXH: Địa lí du lịch Việt Nam, ĐH Hồng Đức, 2009 2) Tổng cục du lịch Việt Nam: Non nước Việt Nam, Hà nội, 2005
44.	Giáo dục môi trường qua môn Địa lí	1) Nguyễn Phi Hạnh: <i>Giáo dục môi trường qua môn Địa lí</i> , NXB ĐH Sư phạm, 2005 2) Lê Thông (chủ biên): Dân số, tài nguyên, môi trường, NXB ĐHSP Hà Nội, 2000
45.	Một số vấn đề cơ bản của địa lí học	1) Các tài liệu về Địa lí du lịch, Địa lí đô thị, Địa lí dịch vụ ... 2) Phạm Hoàng Hải (chủ biên): Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam, NXB Giáo dục, 1997 3) Bộ môn Địa lí trường ĐH Hồng Đức: Những vấn đề cơ bản của địa lí học, Năm 2010
46.	Quản lý môi trường địa phương	1. Trần Thanh Lâm: Quản lý môi trường địa phương, NXB Xây dựng, 2004. 2. BM Địa lí: Quản lý môi trường địa phương, ĐH Hồng Đức, 2010
47.	Địa mạo bờ biển	1. Nikiphorov: Địa mạo bờ biển 2. Đào Đình Bắc, Địa mạo đại cương, 2000, tái bản 2004. Nxb ĐHQG HN.
48.	Phương pháp nghiên cứu địa lý và môi trường biển	1. Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân (Biên dịch). Nghiên cứu địa lý bằng phương pháp bản đồ, 2005. Nxb ĐHQGHN. 2. Đinh Văn Ưu: Hệ thống tin địa lý (GIS) và ứng dụng trong Hải dương học,

		Nxb ĐHQG HN, 2005.
49.	Sinh thái biển và đại dương	1. Lê Đức Tố : Hải dương học biển Đông, NXB Đại học QG Hà Nội 2. Đại học QG Hà Nội: Quản lý hệ sinh thái dưới nước
50.	Kinh tế biển Việt Nam	1. Thế Đạt: Nền kinh tế các tỉnh vùng biển của Việt nam , NXB Lao Động 2. Lê Thông: Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, ĐHSP Hà nội, 2005
51.	Hệ sinh thái vùng cửa sông ven biển	1. PGS. TS. Lê Đình Thành : Sinh thái biển và ven bờ , ĐH Thủy lợi 2. Đại học Huế: Quản lý môi trường ven biển
52.	Cơ sở hải dương học	1. Phạm Văn Huân: Cơ sở hải dương học, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 1991 2. Đinh Văn Ưu, Nguyễn Thọ Sáo, Phùng Đăng Hiếu: Thủy lực biển, NXB ĐHQG Hà Nội, 2003
53.	GIS và viễn thám trong nghiên cứu địa lý biển	1. Bùi Hữu Mạnh: Giới thiệu về ứng dụng thực tiễn của Hệ thống Thông tin Địa lý Tự do, NXB KH&KT, 2008. – 196 tr . 2. Nguyễn Ngọc Thạch (chủ biên): Viễn thám và hệ thống tin địa lí ứng dụng, NXB Đại học khoa học Tự nhiên, 2002
54.	Quản lý thống nhất đới bờ	1. Nguyễn Bá Quý: Quản lý tổng hợp vùng bờ - Trường Đại học Thủy lợi, 2009. 2. Tổng cục Kỹ thuật quốc phòng Mỹ (Trịnh Lê Hà dịch): Địa chất đới bờ, NXB, ĐHQG.HN.
55.	Địa chất biển	1. Trần Nghi- Lê Duy Bách: Địa Chất Biển, NXB Đại Học Quốc Gia HN, 2007 2. Trần Nghi: Địa chất khoáng sản Biển Việt Nam, NXB Đại Học Quốc Gia HN, 2008
56.	Cơ sở cảnh quan học	1. Phạm Hoàng Hải (ntg): Cơ sở cảnh quan học, , NXB Đại Học Quốc Gia HN 2. Nguyễn Cao Huân. Đánh giá cảnh quan (theo tiếp cận kinh tế sinh thái), 2005. Nxb ĐHQG HN.
57.	Tổng quan du lịch	1. Trần Thị Mai : Giáo trình Tổng quan du lịch Nhà xuất bản : Lao động – Xã hội, 2009 2. Trần Đức Thanh: Nhập môn khoa học du lịch, NXB ĐHQG HN
58.	Quản trị kinh doanh lễ hành	1. PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh- PGS, TS. Phạm Hồng Chương: Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
59.	Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch	1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật Du lịch, 2005 2. Học viện chính trị quốc gia, Thể chế chính trị thế giới đương đại, NXB Chính trị QG, HN 2001
60.	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	1. Bùi Thị Hải Yến, Tuyển và điểm du lịch VN, NXB ĐHQG HN 2. Tổng cục du lịch Việt Nam: Non nước Việt Nam, Hà nội, 2005
61.	Tâm lý khách du lịch	1. Hồ Lý Trong: Giáo trình tâm lý khách du lịch, NXB Lao động ; Năm 2009 2. Trần Thị Thu Hà: Giáo trình Tâm Lý Học kinh doanh Du Lịch, NXB Hà Nội.
62.	Giao tiếp ứng xử trong du lịch và Phẩm chất đạo đức nghề hướng dẫn du lịch	1. GS.TS Nguyễn Văn Định - PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh: Giáo trình tâm lý & NT giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh Du lịch. 2. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật Du lịch, 2005
63.	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và Thực hành hướng dẫn du lịch	1. Đinh Trung Kiên, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, NXB Đại học Quốc gia (2000), Hà Nội 2. Bùi Thanh Thủy, Giáo trình Nghiệp vụ Hướng dẫn Du lịch, Nxb Văn hóa (2004), Hà Nội

## 12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Địa lí học theo định hướng nghề nghiệp: Quản lí tài nguyên môi trường, Địa lí và môi trường biển, Hướng dẫn du lịch, được xây dựng trên cơ sở chương trình khung trình độ đại học, ngành Địa lí học của Bộ GD và ĐT (ban hành kèm theo Quyết định số 29/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 9 năm 2005

của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế HP sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Chương trình là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo. Hiệu trưởng quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ vào chương trình Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần, hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và toàn khoá đào tạo.

Trường khoa chuyên môn phê duyệt đề cương chi tiết học phần; xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Chương trình này cũng được áp dụng cho hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học với thời gian kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng (tùy theo kế hoạch sắp xếp thời gian).

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị làm văn bản trình hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xem xét, nếu hợp lý hội đồng Khoa học & Đào tạo trường trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**NGUYỄN MẠNH AN**